

VỊ TRÍ CỦA PHỐ HIẾN VÀ DOMEA TRONG HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐÀNG NGOÀI THẾ KỶ XVI - XVII

(TƯ LIỆU LỊCH SỬ, ĐIỀU TRA ĐIỀN DÃ VÀ KHẢO CỔ HỌC)

NGUYỄN VĂN KIM*

1. Vị thế của Phố Hiến và Domea

Trong hệ thống cảng thương mại Đàng Ngoài, cùng với Thăng Long, Phố Hiến đã nổi lên như một cảng thị lớn. Thương nhân nhiều nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Siam và phương Tây thông qua các Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC), Công ty Đông Ấn Anh (EIC), Công ty Đông Ấn Pháp (CIO)... đã đến đây để tiến hành các hoạt động buôn bán, thiết lập cơ sở thương mại (1). Trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam chưa có thời kỳ nào kinh tế ngoại thương lại đạt được sự phát triển phồn thịnh như thế kỷ XVI-XVII.

Cùng với hệ thống cảng biển và cảng của sông, việc hình thành hệ thống cảng sông nằm sâu trong đất liền không chỉ cho thấy những chuyển biến mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước mà còn thể hiện một chính sách kinh tế tự chủ, tương đối khoáng đạt của chính quyền Lê - Trịnh Đàng Ngoài. Sự phát triển của hệ thống cảng sông đã dẫn đến sự chuyển dịch một bộ phận của trung tâm mậu dịch Đàng Ngoài từ các cảng biển vào sâu trong đất liền, tức là về gần với Kinh đô Thăng Long, các vùng kinh tế và làng nghề. Đây chính là nét đặc thù của hoạt động ngoại thương Đàng Ngoài thế kỷ XVI-XVII.

Do có vị trí tương đối thuận lợi, lại chỉ cách Thăng Long (Kẻ Chợ) khoảng 50km, Phố Hiến đã hình thành, phát triển trong mối quan hệ mật thiết với Kinh đô Thăng Long và một số cảng biển, trung tâm kinh tế khác của khu vực. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân, chỉ có một số lượng hạn chế các tàu và thuyền buôn ngoại quốc khi đến giao thương với Đàng Ngoài có thể vượt qua Domea ("Đò Mè"?, thuộc huyện Tiên Lãng, Hải Phòng hiện nay) và Phố Hiến để tiến sâu vào nội địa. Như vậy, khi các tàu lớn phương Tây đến Tonkin đều phải dừng lại ở hai cảng này để chuyển hàng sang các thuyền nhẹ. Mặc dù không thể khẳng định một cách chắc chắn nhưng nhiều khả năng, khái niệm "Tonkin" (Đông Kinh) được sử dụng trong các nguồn sử liệu phương Tây không chỉ nhằm xác định địa danh Thăng Long - Kẻ Chợ mà còn có ý nghĩa bao quát trên một không gian tương đối rộng lớn là vùng Đàng Ngoài. Với một số trường hợp, những khái niệm như "Quảng Nam" hay "Quảng Nam quốc" cũng có ý nghĩa như vậy. Trong những ngày phát triển phồn thịnh, cùng với Thăng Long, Phố Hiến có phố phường, có chợ, có bến, có thương điểm nước ngoài, có cả trị sở Hiến ty với quan lại và đồn binh. Ở đó có sản xuất thủ công nghiệp và sự trỗi dậy của các hoạt động thương

* PGS-TS. Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQGHN

ngiệp. Một tụ điểm cư dân như vậy ở Phố Hiến cho phép chúng ta coi đó là một thương cảng ven sông hay theo cách nói dễ chấp nhận hơn là một cảng - thị, thuộc loại hình đô thị - cảng (*ville - port*) (2).

Trong khung cảnh chung đó, nằm ở vùng ngã ba sông Thái Bình - Luộc - Đò Mè, vùng Domea là một trong những cửa ngõ chính để đón nhận trực tiếp những sản phẩm dệt, tơ lụa từ vùng Kinh Bắc và gốm sứ của hệ thống lò nổi tiếng như Chu Đậu, Hợp Lã, Mĩ Xá, Cậy, Ngói, Lão... Mặc dù được nhắc đến như một địa điểm quan trọng trong các nguồn sử liệu phương Tây nhưng dường như Domea không được ghi lại trong các bộ chính sử Việt Nam. Đó là do nhãn quan của các nhà viết sử xưa nhưng cũng có thể do Domea kém phần quan trọng hơn so với Thăng Long, Phố Hiến. Phải chăng cũng chính vì thế mà sự kiểm soát của chính quyền Đàng Ngoài đối với vùng duyên hải đang có nhiều phát triển trội vượt này có phần lỏng lẻo (3). Hệ quả là, hoạt động thương mại "*Phi quan phương*" đã vượt ra khỏi khuôn khổ kiểm soát của chính quyền. Sự hiện diện của những đoàn cướp, "làng cướp" vùng ngã ba sông Đò Mè và cửa sông Thái Bình có thể minh chứng phần nào cho quan điểm đó. Dù vậy, điều quan trọng là, Domea chắc chắn đã từng đóng vai trò là một cảng tiếp nhận và luân chuyển hàng hoá chính yếu của hệ thống thương mại Đàng Ngoài. Từ khu vực này, hàng từ các tàu buôn phương Tây (trong đó có cả vũ khí, tiền đồng và bạc...) và một số quốc gia châu Á đã được chuyển lên Phố Hiến, Thăng Long... để đổi lấy và nhận về những sản phẩm nổi tiếng của các làng buôn, làng thủ công, nguồn lâm thổ sản của phía Bắc.

Cùng với những chuyển biến của các nhân tố kinh tế - xã hội trong nước, sự

hưng thịnh của Thăng Long, Phố Hiến, Domea và các cảng sông khác còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của môi trường kinh tế quốc tế mà cụ thể là sự tác động của nền kinh tế hải thương đang ở vào thời kỳ thịnh đạt nhất. Thế kỷ XVI-XVII là thời kỳ kiến dựng và hưng thịnh của hàng loạt các cảng thị Đông Nam Á như Ayutthaya, Batavia, Manila, Hội An... Các cảng thị đó là kết quả của những biến chuyển kinh tế, thể hiện rõ sự hội nhập với mạng lưới kinh tế vùng và liên vùng. Đây chính là hiện tượng phát triển mới của thành thị Đông Nam Á. Do chức năng chủ yếu là hoạt động kinh tế nên loại hình *Cảng thị* này có nhiều đặc tính khác biệt so với loại hình *Thành chính trị - quân sự* "thuần túy" của phương Đông truyền thống.

Cũng giống như Phố Hiến, Domea là một cảng thị mở, không có thành quách, hào lũy bao bọc như thường thấy ở nhiều thành thị hay cảng thị khác. Cuộc sống của cư dân vùng cảng sông gắn bó với những biến đổi của tự nhiên và hoạt động kinh tế diễn ra trong mạng lưới giao thương đa chiều (4). Vào thế kỷ XVI-XVII, Phố Hiến, Domea là những tiền cảng của Thăng Long, có sự phân chia chức năng tương đối rõ rệt trong giao lưu quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại của Đàng Ngoài.

So với Thăng Long và một số cảng thị Đông Nam Á khác, Phố Hiến có quy mô không thật lớn. Khu buôn bán chính là một dãy phố thị trải dọc theo bến sông Hồng. Theo W. Dampier, người Việt sinh sống ở đây phần lớn là thợ thủ công, buôn bán nhỏ và làm dịch vụ. Trong cảm thức của ông: "Người Đàng Ngoài biết nhiều nghề thủ công và buôn bán vì thế có rất nhiều thương nhân và những loại thợ như: Thợ rèn, thợ mộc, thợ xẻ, thợ tiện, thợ dệt, thợ làm gốm, thợ vẽ người đổi tiền, thợ làm

giấy, làm sơn mài, đúc chuông... Đổi tiền là một ngành kinh doanh thực sự ở đây. Việc này do phụ nữ điều hành, họ rất khéo léo và thành thạo về nghề nghiệp" (5). Bia chùa Hiến và chùa Chuông cho biết vào đầu thế kỷ XVIII, ở Phố Hiến có đến 20 phường (6). Phần lớn các phường đó đều làm nghề thủ công hay buôn bán.

Cũng như tuyệt đại đa số các thành thị Việt Nam thời kỳ đó, nhà ở Phố Hiến chủ yếu đều có kiến trúc đơn giản. W.Dampier cũng cho rằng, vào năm 1688 Phố Hiến có 2.000 nóc nhà. Trụ sở ban đầu của thương quán Anh ở Phố Hiến cũng là nhà tranh nhưng về sau đã có một số dinh thự, thương quán Hà Lan và Anh, nhà của 2 viên giám mục người Pháp và phố của Hoa thương được xây bằng gạch, lợp ngói. *Đại Nam nhất thống chí* ghi: "Phố Bắc Hoà thượng và hạ đều ở phía tây nam huyện Kim Động. Đồi Lê, vạn Lai Triều và dinh Hiến Nam đều ở đây, hai phố này nhà ngói như bát úp, là nơi người Trung Quốc tụ hội buôn bán. Lại có phố Nam Hoà người Trung Quốc ở đối diện với phố Bắc Hoà" (7). Người Việt vẫn gọi phố Hoa kiều sinh sống là "*Phố Khách*".

Tuy có thể coi là một cảng thị mở nhưng để bảo đảm an ninh và điều hành các hoạt động buôn bán, chính quyền Lê - Trịnh đã phái cử nhiều quan chức về trấn thủ ở đây thậm chí còn cho lập một đồn binh. Phố Hiến là nơi đóng trụ sở trấn Sơn Nam thời Lê - Trịnh. Do vậy, nhìn dưới góc độ an ninh, Phố Hiến như một trạm kiểm soát vòng ngoài bảo vệ Kinh đô Thăng Long, điều tiết các hoạt động ngoại thương và ở mức độ nào đó có thể đại diện cho chính quyền Đàng Ngoài giao dịch với thương nhân ngoại quốc. Trong khi đó, Domea lại giữ vị trí như tiền cảng của Phố Hiến, với chức năng điều tiết và phân phối hàng

đồng thời đảm đương việc kiểm soát vùng cửa sông. Nhật ký tàu Grol và một số nguồn tư liệu cho thấy, các hoạt động trao đổi, buôn bán đã được thực hiện ngay ở khu vực cửa sông, trước khi tàu, thuyền vào sâu trong các cảng nội địa (8). Như vậy, trên thực tế đã hình thành một hệ thống thương mại và kiểm soát ba cấp. Nhưng, như đã trình bày ở trên, vùng Domea vẫn có thể tiến hành một số hoạt động buôn bán độc lập, ngoài tầm kiểm soát của chính quyền. Do chỉ giữ chức năng tiền cảng nên Domea khó có thể đạt tầm mức phát triển như một đô thị hay cảng thị thực thụ. Tuy nhiên, những bằng chứng khảo cổ học và điều tra dân tộc học cho thấy, Domea là một vùng phát triển tương đối sớm (thế kỷ XIV-XV) và được duy trì trong một thời gian dài (XVII-XVIII).

2. Tam giác kinh tế Đàng Ngoài - Trung Hoa - Nhật Bản

Do có vị trí cận kề với khu vực kinh tế sầm uất miền Nam Trung Quốc nên Đàng Ngoài đã sớm trở thành một điểm trọng yếu trong hệ thống thương mại châu Á. Từ đầu thế kỷ XVI, thuyền buôn của vương quốc Ryukyu (Lưu Cầu) đã đến giao thương với "An Nam". Tư liệu đáng tin cậy nhất là bức thư của quốc vương Ryukyu gửi vua Lê năm 1509 (9). Trong quan hệ với Đàng Ngoài, sau một thời kỳ thiết lập mối giao thương với các thương cảng khu vực Bắc Trung Bộ (vùng Thanh - Nghệ Tĩnh), đến thế kỷ XV-XVI, từng bước thuyền buôn Trung Quốc, Nhật Bản, Siam đã có khuynh hướng chuyển dịch về Bắc Bộ (10). Sự chuyển dịch các hoạt động kinh tế đó là một trong những tác nhân quan trọng tạo nên sự hưng thịnh của hệ thống cảng thị và vùng kinh tế châu thổ sông Hồng. Trong cuốn *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Alexandre de Rhodes cho rằng khoảng

trước năm 1627, đã có nhiều người Nhật và Hoa thương đến Đàng Ngoài buôn bán. Ông viết: "Người Nhật xưa kia đem bạc rất nhiều tới đây để buôn tơ lụa, họ đem theo nhiều gươm đao và đủ các thứ vũ khí để bán" (11). Đến cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, nhu cầu tiêu dùng tơ lụa của thị trường Nhật Bản là rất lớn. Mạc phủ Edo đã chủ động cử thuyền buôn đến Đại Việt và Đông Nam Á để nhập về tơ lụa, hương liệu và gốm sứ. Thuyền buôn Nhật Bản đến buôn bán ở Đàng Ngoài thường có trọng tải đến 400-500 tấn. Thông thường, mỗi thuyền *Châu ấn* (*Shuin-sen*) khi đến buôn bán ở Đàng Ngoài đều có thể đem về khoảng 4.000kg tơ lụa.

Việc nhập hàng của các thuyền *Châu ấn* đã đem lại cho Đàng Ngoài nhiều mối lợi lớn. Trong bức thư của Thanh Đô vương Trịnh Tráng (1623-1657) gửi chính quyền Nhật Bản năm 1624 viết rõ: "Đại Nguyên soái Tổng chính Thanh Đô vương nước An Nam đã xây dựng lại đất nước, khôi phục trung hưng, xa thư quy về một mối, lân bang giao hiếu hoà hợp, rộng ban ân trạch, tạo thành nghĩa lớn. Nay nhân vào tiết Hạ, thấy các thuyền trưởng của Quý quốc Nhật Bản là Giác Tăng (*Suminokura*) và Mạt Cát (*Sueyoshi*), tổng cộng 20 chiếc đến nước chúng tôi buôn bán. Chúng tôi chỉ muốn phát triển không dừng lại ở việc buôn bán nhỏ, nên thăm hỏi kỹ càng. Nghe nói quốc chủ Nhật Bản đang lúc tuổi xuân đang độ, đức tính khoan hoà, tôi muốn kết làm nước anh em. Về đạo nghĩa nhân ái thì trước tiên lấy chính nghĩa làm mối giao kết ban đầu.

Nay sản vật của bản quốc có một chiếc gối quý, đồ vàng ròng 7 lạng, 38 lạng kỳ nam chính gốc, giao cho thuyền trưởng Giác Tăng và Mạt Cát để nhận về chuyển cho Nhật Bản Quốc vương kiêm Thuần Hòa

viện Đại học sĩ, Thái chính Đại thần điện hạ (*Tokugawa Iemitsu*) để làm tin, kết nghĩa ngàn năm, chớ nên sai lệch chút nào. Quốc vương Nhật Bản có lòng kính yêu, vì lòng yêu mến hàng hoá quý quốc, mong sang năm lại gửi cho 10 cây kiếm, 10 cây đao thật tốt, là những vật được xem là rất tốt đối với bản quốc, cùng với các hàng hoá khác, giao cho các thuyền của Thuyền trưởng Giác Tăng, Mạt Cát sẽ đến nước chúng tôi. Nếu cần đền đáp bao nhiêu hoặc cần trao đổi sản vật của bản quốc, chúng tôi cũng sẽ xin đáp lại. Như tình cảm đã bày tỏ, biển cả muôn dặm nhưng cùng chung một tấm lòng, kết nghĩa anh em, không chút sai lệch, lòng tin như thế, đại nghĩa nghìn năm, cũng vì thanh danh của hai nước. Thực chẳng hết lời, gửi lòng thành ở đây.

Vinh Tộ năm thứ 6, ngày 20-5, Khoan Vinh Nguyên niên" (12).

Sau cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn lần thứ nhất (1627), chúa Nguyễn đã đề nghị các thương nhân Nhật Bản có thể lực như Chaya Shinrokuro không nên cho thuyền đến Đàng Ngoài đặc biệt là các vùng như Nghệ An, Thanh Hóa buôn bán. Nhưng điều chắc chắn là, do muốn giữ thế cân bằng trong quan hệ đối ngoại cũng như xuất phát từ lợi ích kinh tế nên mối giao thương giữa Đàng Ngoài với Nhật Bản vẫn tiếp tục được duy trì. Vì lý do an ninh, chúa Trịnh luôn có những biện pháp kiểm soát hết sức chặt chẽ việc nhập kim loại, thuốc súng, vũ khí.

Trong các hoạt động kinh tế của giới thương nhân Nhật Bản ở Đàng Ngoài, Wada Rizaemon đã nổi lên như một thương nhân có thế lực. Vốn là một người có kinh nghiệm buôn bán với Đàng Trong, từng giao thương ở Hoa Viên, Hưng Nguyên (Nghệ An) khi chuyển ra kinh doanh ở phía

bắc, Rizaemon đã sớm xây dựng mối liên hệ mật thiết với chính quyền Lê - Trịnh. Năm 1637, khi thương nhân Hà Lan là Karel Hartsinck xin phép chúa Trịnh để thành lập thương điểm ở Đàng Ngoài, chính ông đã đóng vai trò mồi chài. Nhưng do Rizaemon muốn can thiệp vào công việc giao dịch, bảo hộ tài sản và nhân sự của VOC nên đã bị K. Hartsinck phản đối (13). Sau năm 1635, do không thể chủ động vận chuyển hàng hoá về Nagasaki hay các cảng Đông Nam Á nên ông thường phải nhờ đến sự giúp đỡ của Hà Lan. Năm 1661, chính ông lại nhờ tàu Hà Lan chuyển 14.000 đồng bạc Nhật Bản sang Đàng Ngoài. Trong những năm 1660, vì nhiều nguyên nhân, lượng bạc và đồng Nhật Bản chuyển sang Đàng Ngoài bị giảm sút do vậy việc thanh toán trong kinh tế đối ngoại của chính quyền Lê - Trịnh gặp nhiều khó khăn. Nhân cơ hội đó, Rizaemon muốn đứng ra nắm vai trò lưu thông tiền tệ Nhật Bản ở Đàng Ngoài. Nhưng kế hoạch đó bất thành vì gặp phải sự phản đối của phủ Chúa. Chắc rằng, chúa Trịnh không muốn thương nhân ngoại quốc can thiệp quá sâu vào những hoạt động kinh tế trong nước.

Sau năm 1639, chịu ảnh hưởng của chính sách tỏa quốc, người Nhật không còn có thể tiếp tục đến buôn bán trực tiếp với Đại Việt nữa. Không ít nhà nghiên cứu cho rằng từ sau năm 1639 quan hệ Việt - Nhật đã kết thúc. Tuy nhiên, như lịch sử đã cho thấy, mặc dù quan hệ trực tiếp không còn nữa nhưng thông qua vai trò của Hà Lan và Trung Hoa... mà quan hệ giao thương giữa Nhật Bản với Đàng Ngoài vẫn tiếp tục được duy trì. Tơ sống, các loại vải lụa cùng hương liệu, gốm sứ, lâm thổ sản vẫn được chuyển đến Nhật Bản. Bên cạnh đó, do tác động của chính sách cấm hải của nhà Minh (1368-1644) rồi nhà Thanh (1644-1911) nên

thương nhân phương Tây, Hoa thương sinh sống ở Đài Loan và Đông Nam Á đã gặp rất nhiều khó khăn trong quan hệ buôn bán trực tiếp với Trung Quốc. Trong điều kiện quan hệ Nhật - Trung cũng bị gián đoạn, để có được tơ lụa, gốm sứ cùng những vật phẩm khác cung cấp cho Nhật Bản và thị trường khu vực, họ đã phải tìm đến Domea, Phố Hiến, Thăng Long... để mua hàng. Hoa kiều là lực lượng chủ yếu thu gom và vận chuyển hàng hoá từ thị trường khu vực rồi xuất đi các nước. Từ năm 1647 đến 1720, có tất cả 266 thuyền buôn của Hoa thương xuất phát từ Đại Việt đến Nhật Bản.

Bảng 1: Lượng tơ sống nhập khẩu từ Trung Quốc của Đàng Ngoài

Năm	Kin	Năm	Kin
1640	9,350	1647	---
1641	20,750	1648	---
1642	---	1649	26,500
1643	580	1650	30,500
1644	---	1651	120,827
1645	1,00	1652	---
1646	3,700	1653	30,700

Nagazumi Yoko: *Quan hệ thương mại của Nhật Bản với Đàng Ngoài nửa đầu thế kỷ XVII* (14)

Trong buôn bán, số tơ mà Đàng Ngoài xuất ra nước ngoài chủ yếu được sản xuất trong nước. Tuy nhiên, để bảo đảm đủ nguồn hàng cho các thuyền buôn ngoại quốc đồng thời nhằm thỏa mãn yêu cầu của một số chủ hàng về loại tơ có chất lượng cao nên Đàng Ngoài vẫn phải nhập thêm một số lượng tơ lụa từ Trung Quốc. Số tơ này chính là do các Hoa thương từ miền Nam Trung Quốc đưa sang (xem bảng 1).

Đối với Hà Lan, tuy thiết lập quan hệ với Đàng Ngoài chậm hơn Bồ Đào Nha nhưng họ đã sớm đặt cơ sở buôn bán ở Phố Hiến. Thương quán được lập ngay sau

chuyến đi của K. Hartsinck trên chiếc tàu Grol từ Hirado (Nhật Bản) đến Quảng Nam rồi trở ra Đàng Ngoài vào tháng 3-1637. Trên đường chuyển hàng đến Thăng Long bằng 10 chiếc thuyền nhẹ, tàu Grol đã mang theo một khối lượng hàng hoá trị giá gần 190.000 *florins* và một lượng bạc lớn. Nguồn hàng lớn đó lập tức thu hút được sự chú ý của chính quyền Lê - Trịnh (15).

Sự thâm nhập của Hà Lan vào Đàng Ngoài nằm trong kế hoạch của VOC muốn chiếm lĩnh khu vực thị trường giàu tiềm năng này. Tranh thủ chủ trương toả quốc (*sakoku*) của Nhật Bản, Hà Lan lập tức phái tàu buôn đến Phố Hiến và Kẻ Chợ... để nhập tơ lụa, gốm sứ rồi từ đó đưa đến tiêu thụ tại Nhật Bản hoặc các cảng thị Đông Nam Á. Từ năm 1639 trở đi, mặc dù chịu áp lực của chính sách *sakoku* nhưng các thuyền buôn của Hà Lan và một số quốc gia châu Á vẫn tiếp tục đến giao thương với Nhật Bản (16). Nhờ hoạt động của các thương nhân trung gian đó mà mối quan hệ kinh tế giữa Đàng Ngoài với Nhật Bản đã không bị gián đoạn. Sau năm 1639, do giành được ưu đãi về ngoại thương nên Hà Lan gần như độc chiếm thị trường Nhật Bản. Về phần mình, hiểu rõ khả năng kinh tế cũng như tiềm lực quân sự của Hà Lan nên chính quyền Lê - Trịnh cũng có những ưu ái nhất định, tạo điều kiện cho họ thiết lập quan hệ ngoại thương đồng thời qua đó tranh thủ nhập về vũ khí hiện đại của phương Tây (17).

Sau khi Hà Lan thiết lập thêm cơ sở thương mại thứ hai ở Thăng Long năm 1644, mức độ buôn bán của Hà Lan với Đàng Ngoài đã có sự tăng trưởng rõ rệt. Trong vòng 13 năm (1641-1654), VOC đã đem từ Đàng Ngoài tới 51% (tương đương với 3.538.000 *gulden*) tổng lượng tơ nhập

vào Nhật Bản. Có thể khẳng định rằng: "Giai đoạn 1641-1654 là thời vàng son không chỉ là việc mua được tơ với giá rẻ của Đàng Ngoài mà cả việc bán tơ ở Nhật Bản với giá có lời. VOC thường thu được tới 250% hoặc có thể hơn nữa trong việc kinh doanh này. Từ năm 1636 đến 1668, lãi suất trung bình hàng năm của VOC trong việc kinh doanh tơ là 119% từ Trung Hoa, 183% từ Bengal và 186% từ Đàng Ngoài, do giá tơ ở Đàng Ngoài rẻ" (18). Trong những năm 1650-1660, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng vì lợi ích thương mại, Hà Lan vẫn tiếp tục duy trì quan hệ với Đàng Ngoài (19). Thị trường Nhật Bản cần một lượng lớn tơ lụa ngoại nhập. *Nguồn tơ sống từ Đàng Ngoài là nhân tố quan trọng để Hà Lan tiếp tục khẳng định vị trí trong quan hệ với Nhật Bản và duy trì các hoạt động của VOC trong hệ thống hải thương châu Á.*

3. Phố Hiến và Domea qua những phát hiện Khảo cổ học

So với đô thị cổ Hội An thì các đợt nghiên cứu khảo cổ học ở Phố Hiến và Domea chỉ mới dừng ở mức độ khiêm tốn. Tuy nhiên, trong 3 thập kỷ qua, một số đợt thám sát, khai quật đã được tiến hành. Các nhà khảo cổ học và sử học đã rất chú ý đến các nguồn tư liệu lịch sử và diễn tiến địa mạo cụ thể của khu vực hạ châu thổ. Trải qua 3 thế kỷ, hệ thống sông Hồng đã có nhiều biến đổi. Rối tình trạng lụt lội, đe dọa cũng gây nên những khó khăn không nhỏ khi muốn xác định lại một cách chính xác vị trí trung tâm và các bến cảng liên quan đến thương cảng Phố Hiến và Domea trước đây.

Do tác động của điều kiện tự nhiên, vào thế kỷ XVI-XVII việc buôn bán của thương nhân ngoại quốc với Đàng Ngoài thường chỉ diễn ra vào một khoảng thời gian nhất định trong năm. Người ta gọi đó là "Mùa mậu

dịch". Thông thường, *Mùa mậu dịch* kéo dài khoảng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Trong thời gian đó, thương nhân các nước vừa tích cực mua gom hàng hoá vừa đợi gió mùa. Nhưng khi mùa buôn bán diễn ra có nhiều thuận lợi thì cũng là khi mực nước của hệ thống sông Hồng xuống thấp nhất. Thủy lượng của nhiều đoạn và nhánh sông chỉ còn khoảng 20 đến 30% lưu lượng nước hàng năm. Bên cạnh đó, do có thủy lượng cao, nước chảy xiết nên lòng sông luôn có nhiều biến đổi sau mỗi mùa mưa lũ (20). Đây là một trong những hạn chế lớn của hệ thống cảng sông Đàng Ngoài. Dù vậy, hệ thống sông Đàng Ngoài vẫn có hai thủy trình đáp ứng được điều kiện cần thiết cho tàu thuyền ngoại quốc có thể tiến từ biển vào sâu các cảng nội địa.

Là một nhà hàng hải giàu kinh nghiệm, W. Dampier đã miêu tả khá kỹ về hệ thống của sông Đàng Ngoài. Trong du ký nổi tiếng với tiêu đề *Những chuyến đi và phát hiện* (Voyages and Discoveries) ông đã mô tả khá chi tiết về hệ thống sông này và chính ông năm 1688 đã đến Domea và Phố Hiến theo cửa sông Thái Bình vì nó rộng và sâu hơn nhiều so với cửa Rốc-bô (Rokbo) tức cửa sông Đáy. W. Dampier viết: "Tôi không biết tên riêng của nó là gì, tuy nhiên để phân biệt, tôi sẽ gọi nó là con sông Dô-mê-a (Domea), vì thành thị đáng kể đầu tiên mà tôi trông thấy trên bờ mang tên ấy. Cửa sông này ở vĩ tuyến 20°45'... Nó đổ ra biển cách Rốc-bô hai chục hải lý về phía đông bắc... chính là theo con sông Domea này mà hầu hết các tàu buôn châu Âu đều đi vào vì nó sâu" (21).

Từ cửa sông, đi ngược khoảng 5 hay 6 dặm có một làng sầm uất với hơn 100 nóc nhà. Đây là địa điểm mà tàu Hà Lan thường hay neo đậu. Địa điểm này có tên gọi là Domea. Cũng theo tuyến sông này,

tàu buôn của một số nước phương Tây khác như Bồ Đào Nha, Anh... cũng thường hay qua đây để lên Phố Hiến rồi tiếp tục ngược lên Kẻ Chợ. Theo những tài liệu còn lại, tàu Anh luôn bỏ neo ở một địa điểm cách Domea chừng 3 dặm về phía thượng nguồn. Căn cứ vào những điều mô tả của các nguồn sử liệu và bản đồ cổ, có thể khẳng định rằng hải trình của các tàu buôn từ Biển Đông vào Domea rồi lên đến Phố Hiến lúc bấy giờ là tuyến sông Thái Bình (tức sông Lâu Khê), qua sông Luộc nhập vào sông Hồng rồi lên Phố Hiến. Như vậy, cửa Domea là cửa sông Thái Bình, trung tâm của thị trấn Domea xưa nhiều khả năng nằm ở vùng ngã ba sông này. Đây chính là tuyến sông chủ yếu dẫn đến các trung tâm kinh tế lớn và các thị trấn, vùng cung cấp nguyên liệu, sản xuất hàng hoá của Đàng Ngoài.

Đối với Phố Hiến, từ năm 1972 các nhà khoa học thuộc Trường Đại học Tổng hợp và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tiến hành một số đợt thám sát. Đến năm 1989, trong kế hoạch khảo sát các di chỉ gốm sứ, Bảo tàng tỉnh Hải Hưng (nay là hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên) đã tiến hành một hố thám sát ở khu vực Văn Miếu - Xích Đằng thuộc thị xã Hưng Yên. Ở độ sâu 0,60m các nhà nghiên cứu đã phát hiện được một phế tích của lò gốm dày 0,50cm. Hiện vật chủ yếu là bát và đĩa trơn to, sử dụng kỹ thuật vẽ lòng nhưng một số vẫn dùng con kê. Mở rộng diện khảo sát, các nhà nghiên cứu còn phát hiện được nhiều chông bát kết dính có niên đại thế kỷ XVII. Có thể khẳng định rằng, đây chính là khu vực sản xuất gốm thủ công của Phố Hiến (22).

Đến năm 1992, để chuẩn bị cho Hội thảo quốc tế về Phố Hiến, Bảo tàng Hải Hưng cũng đã tiến hành một cuộc điều tra tổng

thể về các di sản văn hoá vật thể, di chỉ khảo cổ học khu vực Phố Hiến và phụ cận. Theo đó, 24 đền miếu, 17 chùa, 10 đình, 1 hội quán, 1 nhà thờ Kitô giáo, 1 nhà dòng, 1 văn miếu, 1 võ miếu... đã được xác định và làm hồ sơ di tích. Hầu hết các công trình đều có vết tích từ thế kỷ XVII-XVIII. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu còn tìm được 74 bia đá, 21 chuông đồng, 5 khánh, 207 đại tự, 197 câu đối, 160 sắc phong... (23) tất cả những hiện vật đó là nguồn sử liệu hết sức có giá trị để hiểu về lịch sử, đời sống văn hóa và hoạt động kinh tế của Phố Hiến. Mặc dù đã trải qua nhiều biến đổi nhưng độ trù mật cao của các công trình kiến trúc văn hóa, tôn giáo ở vùng trung tâm cảng thị cổ là những chỉ báo đầy sức thuyết phục về sự phồn thịnh của Phố Hiến một thời. Với tư cách là một cảng thị quốc tế, các nhà nghiên cứu cũng đã đặc biệt chú ý tìm kiếm vết tích của các phố buôn bán đặc biệt là những cơ sở của phương Tây. Theo đó, khu vực Bến Đá (được coi là bến chính) và Hiến Hạ có ý nghĩa quan trọng. Dựa theo bản đồ cổ, có thể xác định khu vực thương điểm phương Tây trong đó có thương điểm Hà Lan nằm ở khu vực này. Đến thế kỷ XIX, diện mạo của khu thương điểm còn khá nguyên vẹn nhưng do sự tàn phá của con người và tự nhiên, lại thêm một cơn bão lớn đập dẽ lên một phần di tích nên khu vực thương điểm đã có nhiều biến dạng. Trong hai hố khai quật tại Phố Hiến, gần khu thương điểm, nhiều gốm sứ Việt Nam thời Lê và Trung Quốc thời Thanh (trong đó có một số mảnh thời Minh) đã được phát hiện. Điều đáng chú ý là, cùng với hiện vật gốm sứ, vết tích kiến trúc thế kỷ XVII-XVIII cũng đã xuất lộ.

Để tiếp tục hiểu thêm về lịch sử hình thành và hoạt động thương mại của Phố Hiến, tháng 2-2000 đoàn nghiên cứu Việt

Nhật thuộc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu văn hoá và Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN phối hợp với Trường Đại học Nữ Chiêu Hoà (Nhật Bản) cùng Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Hưng Yên) đã tiến hành đào 4 hố thám sát tại khu vực Hiến Hạ thuộc phường Hồng Châu và Hồng Nam, Thị xã Hưng Yên (24). Cả 4 hố đều nằm bên phải con đường cổ, tức là về phía Đông Nam giáp với khu vực trước kia được coi là thương điểm Hà Lan thế kỷ XVII. Các hố thám sát đều có diện tích nhỏ, chỉ từ 2 - 4m². Trong đó, đáng chú ý là H2 đào trước cửa Đông Đô Quảng Hội và H3 ở số nhà 17, Phố Hiến. Tại H3, đào sâu xuống 40cm thấy xuất lộ một lớp gồm gạch vỡ, đất nung cháy dày khoảng 30cm và gốm sành. Sau đó là một lớp đất thịt không có hiện vật nhưng tiếp theo là một lớp dày 60cm có nhiều đồ gốm, sành. Đây chính là vết tích của một lò nung. Do bị ngập nước và điều kiện thời gian nên phải dừng lại. Hố có thể tiếp tục mở rộng và ở gần ngay khu vực hào bảo vệ thương điểm. Nếu mở rộng và tiếp

Bảng 2: Bảng thống kê các di vật đào thám sát tại phố Hiến

Loại hiện vật	Hố 1 (2m ²)	Hố 2 (4m ²)	Hố 3 (2m ²)	Hố 4 (2m ²)
Bát sứ	63 mảnh	642 mảnh	112 mảnh	
Đồ sành sứ	02	03		02
Bát đĩa	12	156	51	12
Mảnh nổi đất	19	313	274	42
Mảnh vung	02	16	319	18
Mảnh sành	06	106	156	31
Ngói	13	29		06
Các loại hiện vật khác		11	07	

tục đào sâu xuống có khả năng sẽ tìm được gốm sứ thế kỷ XV-XVI. Cụ thể số hiện vật phát hiện được của đoàn nghiên cứu Việt - Nhật trong đợt thám sát năm 2000 tại Phố Hiến (xem bảng 2) (25).

Từ kết quả khai quật có thể rút ra một số nhận xét: 1. Hiện vật gốm sứ phát hiện ở Phố Hiến chủ yếu có niên đại thế kỷ XVII-XVIII. Cùng với gốm sành Việt Nam, gốm sứ nước ngoài, phần lớn là sản phẩm của vùng Cảnh Đức Trấn và một số lò ở Quảng Đông và là loại sản phẩm được thị trường địa phương cũng như giới Hoa kiều ưa chuộng; 2. Cho đến nay, ngoài gốm sứ Trung Quốc, gốm sứ nước ngoài trong đó có sứ Hizen Nhật Bản được phát hiện tương đối ít (26). Một số nhà nghiên cứu cho rằng sở dĩ có hiện tượng đó vì Đàng Ngoài cũng là một trung tâm sản xuất và xuất khẩu gốm sứ lớn. Hơn thế nữa, sứ Hizen tương đối khó thâm nhập vào Việt Nam vì giá cao (27); 3. Việc phát hiện ra những khu lò cho phép chúng ta nghĩ rằng ở Phố Hiến thế kỷ XVII-XVIII đã từng có những làng chuyên sản xuất gốm sành; 4. Nhìn chung, các hố khai quật, thám sát tiến hành ở Phố Hiến đến nay còn có quy mô rất hạn chế nên việc tìm kiếm vị trí của thương điểm và hiểu Phố Hiến một cách tổng thể qua những phát hiện khảo cổ học còn chưa thật đầy đủ. Theo quan điểm của chúng tôi, tiềm năng khảo cổ học ở cảng thị này còn rất phong phú. Cần phải có những cuộc điều tra toàn diện, thám sát cụ thể để từ đó tiến hành khai quật trên quy mô lớn đặc biệt là khu vực phía Tây Bắc đường Phố Hiến và một số địa điểm phía Đông Nam, gần với khu thương điểm nơi có địa tầng tương đối ổn định.

Đối với vùng cảng sông Domea, trên cơ sở khảo cứu những nguồn tư liệu phương

Tây đặc biệt là mô tả của W. Dampier và kết quả một số lần điều tra thực địa (28), tháng 6-2002, các nhà Khảo cổ học thuộc Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV và Viện Việt Nam học và KHPT, ĐHQGHN phối hợp Sở Văn hoá thông tin tỉnh Hải Phòng đã tiến hành khai quật khảo cổ học tại thôn An Dụ, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, Tp. Hải Phòng. Ngoài tọa độ được xác định tương đối phù hợp với vị trí mà W. Dampier đã ghi lại thì sự xuất hiện của nhiều loại hiện vật thương mại, vết tích kiến trúc, vị trí địa lý và địa danh cổ đã thôi thúc các nhà khoa học đi sâu nghiên cứu. Hai hố khai quật, mỗi hố 10m² đã được mở. Hố 1 (02 AD H1) nằm ngay trên đường làng. Trong các tầng văn hoá chứa nhiều loại gốm đất nung, sành sứ và gạch ngói cổ. Hố 2 (02 AD H2) được mở tại khu Đa Chợ, sát ngay một nhánh sông đào, cách H1 khoảng 500m. Số hiện vật phát hiện được trong 2 hố khai quật như sau (29):

Bảng 3: Bảng thống kê di vật khai quật tại An Dụ, Tiên Lãng, Hải Phòng (2002)

Loại hiện vật	02 AD H1	02 AD H2	Tổng số
Gốm men Việt Nam	533 mảnh	417 mảnh	950 mảnh
Sành	1.841	952	2.793
Gốm đất nung	1.468	483	1.951
Gạch	68	52	120
Ngói	452	1.616	2.068

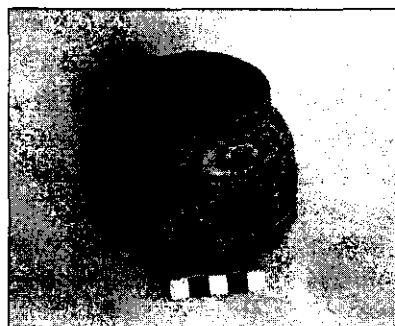
Số liệu thống kê và phân tích loại hình hiện vật cho thấy, gốm men chủ yếu là loại men trắng hoa lam, men ngọc, men nâu, men ngà. Men phủ kín hiện vật, khá đều và bóng. Đó là các mảnh từ bát (có đế chân cao), đĩa (miệng rộng, loe) nhưng cũng có một số mảnh là từ bình tỷ bà, âu hoặc liễn... Nhìn chung, các hiện vật đều được chế tác với kỹ

thuật ve lông và bôi son nâu dưới đáy. Hiện vật chủ yếu có niên đại thế kỷ XVI-XVII. Có thể khẳng định rằng, đây chính là sản phẩm của dòng gốm mang phong cách Chu Đậu, một dòng gốm xuất khẩu nổi tiếng của Việt

Ảnh 1
(An Dụ 02 H2)



Ảnh 2
(An Dụ 02 H2)



Nam (xem ảnh 1 & 2). Ở An Dụ cũng tìm được một số hiện vật như bát, liễn, chân đèn men ngọc rất đẹp. Đó là những hiện vật tiêu biểu thời Trần (1226-1400) (ảnh 4) và thời Lê - Mạc (thế kỷ XV-XVI). Đáng chú ý là, gần H2 đoàn nghiên cứu đã sưu tầm được một chiếc đáy bát Chu Đậu. Trong lòng bát, theo một số chuyên gia Thái học, có dòng chữ Thái cổ được đọc là “Rồng theo nước trở về” (ảnh 5). Dù độ xác thực của dòng chữ trên vẫn cần phải xác minh thêm nhưng sự hiện diện của “Nhân tố Thái” trên một hiện

vật tiêu biểu tìm thấy ở An Dụ đã gợi mở những giả thuyết khoa học thú vị. Nhưng cũng phải chú ý, trong cả H1 và H2 cũng như quá trình khảo sát trên mặt đất, gốm sứ Trung Quốc xuất lộ ít. Một số bình gốm hình thoi có nước men nâu vàng có thể là gốm Thái (?).

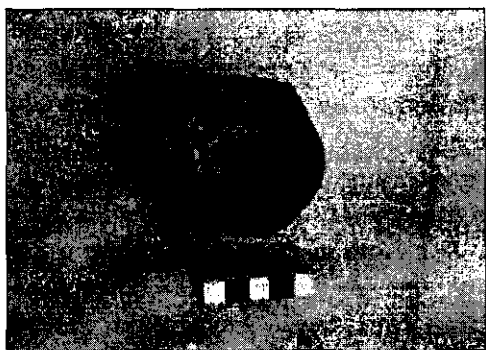
So với gốm sứ trắng men thì đồ sành ở An Dụ có tỷ lệ gần gấp ba lần (2.793/950 mảnh). Bình vò sành được làm bằng đất khá mịn, xương chắc, nặng, rất cứng có màu xám và nâu đỏ. Bình vò thường có cổ ngắn, mép miệng tạo dày hơn cổ, thân cong thu nhỏ dần về phần đáy, không trang trí hoặc trang trí bằng những đường hoa văn chải chạy dọc từ vai xuống gần đáy hoặc hoa văn hình sóng nước vòng quanh cổ bình. Ngoài ra, còn có rất nhiều lon, âu và một số chậu sành. Đặc biệt, ở An Dụ đã phát hiện được 1 lon sành có xuyên lỗ thủng ở đáy và một lon sành 2 thân. Đây là những hiện vật lạ, chưa thấy trong các di chỉ. Cho đến nay các nhà nghiên cứu cũng chưa thật thống nhất về chức năng sử dụng của chúng. Về loại hình, hiện vật sành tuy kém đa dạng hơn so với gốm men nhưng cũng thấy xuất hiện nhiều kiểu dáng tương đối điển hình của sành Việt Nam từng đã phát hiện ở thành Sakai, Osaka và ở thương cảng quốc tế Nagasaki của Nhật Bản (30) (ảnh 3). Theo một số nhà nghiên cứu, các loại bình, vò sành này là những vật dụng hương liệu, mật ong, đường... để đưa sang Nhật Bản. Nhưng, việc phát hiện một số lượng lớn bình, lon sành ở thành Sakai và Osaka... đã khiến cho người ta tin rằng người Nhật đã chủ động nhập về nhiều hiện vật gốm sành từ “An Nam” để dùng cho sinh hoạt thường ngày và sử dụng trong nghi lễ Trà đạo (Chado), Hoa đạo (Ikebana)... Cho đến nay những người Nhật Bản yêu thích gốm sứ cổ, trà đạo và hoa

đạo vẫn mong muốn có được sản phẩm gốm sành Việt Nam. Sự mộc mạc về kiểu dáng, màu men, hoa văn trang trí của “gốm An Nam” hay “Kochi” đã đạt đến độ hoà đồng sâu sắc với tình cảm và thẩm mỹ của người Nhật.

Ảnh 4
(An Dụ 02 H1)



Ảnh 5
(An Dụ 02 ST)



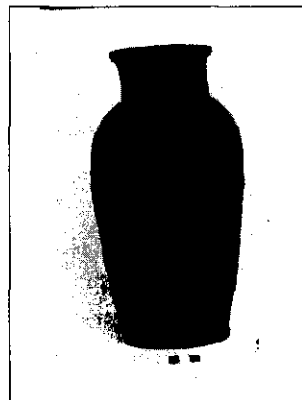
Cùng với gốm men và đồ sành, ở An Dụ còn phát hiện được các loại gốm đất nung. Tổng số mảnh đất nung trong các hố đào là 1.951, đứng thứ hai sau đồ sành. Gốm đất nung chủ yếu là các loại bình, nồi, vò, chõ... được chế tác chủ yếu bằng bàn xoay. Sản phẩm mỏng, tròn đều, đa số có màu nâu đỏ hoặc nâu xám thể hiện rõ những đặc tính của gốm sành thời Trần và Lê sơ. Trong quá trình khai quật, các nhà nghiên cứu còn phát hiện một số tiêu bản gốm trang trí rất

độc đáo đó là 1 tượng voi, 1 đầu rồng, 1 đầu phượng và một phần của mặt hồ đất nung. Ngoài ra, ở An Dụ còn tìm được con kê và bao nung. Tuy số lượng không nhiều nhưng cùng với sự xuất hiện của những hiện vật bán thành phẩm và phế thải cũng có thể đoán định rằng vùng An Dụ xưa từng là nơi sản xuất một số loại sản phẩm gốm sành phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt của người dân và rất có thể cho cả nhu cầu xuất khẩu.

Vật liệu kiến trúc ở An Dụ chủ yếu là gạch và ngói. Qua 2 hố khai quật với diện tích 20m² đã thu lượm được 120 mảnh gạch và 2.068 mảnh ngói. Ngói có 2 loại là ngói bản và ngói ống, màu đỏ tươi hay xám đen. Ngói mịn, chắc đều và được đóng bằng khuôn. Mặc dù chưa phát hiện được những nền móng kiến trúc rõ rệt nhưng sự hiện diện của gạch ngói với số lượng lớn cũng có thể khẳng định rằng nơi đây đã từng có những công trình kiến trúc có quy mô tương đối lớn, xây dựng bằng những vật liệu bền vững. Điều chắc chắn là, An Dụ là một địa bàn cư trú lâu đời. Hầu hết các hiện vật đều có niên đại thế kỷ XVI-XVII, số hiện vật có niên đại sớm hơn (thế kỷ XIII-XV) chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ. Theo quan điểm của chúng tôi, hiện vật khảo cổ học hoàn toàn phù hợp với lịch sử hình thành, phát triển của

vùng cảng sông Domea. Những hiện vật đó chắc chắn có mối liên hệ với khu cảng thị Domea cũng như với các địa danh Chùa Vàng, Cầu

Ảnh 3
(An Dụ 02 ST)



Bạc, với khu Đa Chợ, Sở Cao, Cống Phủ, với miếu An Tử (nơi thờ người đi bán gốm sứ bị thiệt mạng). *Những hiện vật khảo cổ và địa danh đó là bằng chứng xác thực về một vùng phát triển và giàu có ven sông, một hiện tượng phát triển ngoại biệt giữa một không gian kinh tế - xã hội nông thôn - nông nghiệp điển hình của châu thổ sông Hồng.*

Trên cơ sở những thành tựu đạt được, trong các mùa điền dã năm 2003-2006, các nhà nghiên cứu thuộc Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV đã mở rộng phạm vi khảo sát (31). Xuất phát từ quan niệm vùng cảng sông Domea xưa là một khu vực rộng lớn, trải dọc theo hệ thống sông Thái Bình, bao gồm nhiều bến bãi để tàu thuyền ra vào, neo đậu, xuất nhập khẩu gốm sứ và các sản phẩm thương mại khác. Theo đó, vùng An Dụ và xã Khôi Nghĩa có thể chỉ là một bộ phận của hệ thống cảng đó. Như vậy, điều cần thiết là phải có cái nhìn tổng thể về khu vực và cần tiến hành những cuộc điều tra cụ thể hơn về một số địa điểm khác mà trọng tâm là vùng ngã ba sông: Thái Bình - Sông Luộc - Sông Đò Mè với tọa độ được xác định hiện nay là ở vĩ độ $20^{\circ}45'36''$ và kinh độ $106^{\circ}29'52''$. Khu vực này cách thôn An Dụ khoảng 3km về phía Bắc. Để thiết thực chuẩn bị cho chuyến khảo sát của Tổng Lãnh sự quán Hà Lan và các chuyên gia Hà Lan, tháng 4-2006 chúng tôi đã trở về Hải Phòng, điều tra cụ thể hai xã Đại Thắng - Tiên Cường, huyện Tiên Lãng đặc biệt là địa điểm mà cư dân địa phương từng gọi là bến Đò Mè. Sông Đò Mè nay đã bị bồi lấp, thuyền bè không đi lại được nữa nhưng vết tích của một dòng sông lớn trong lịch sử còn lại khá rõ. Cư dân địa phương cho biết đến đầu thế kỷ XX, thuyền buôn, tàu vận tải vẫn đi lại qua sông này. Tại đây chúng tôi đã xác định được khu Bến Đò (Bến Mè) cùng một số địa danh khác như Vườn Quan (thuộc thôn

Trâm Khê), và các địa danh Ao Đôn, Vườn Đôn, Ao Trại... (thôn Nhuệ Động). Các địa danh này khá gần nhau, đều trải dọc theo sông Mè. Tại cánh đồng của thôn Nhuệ Động còn có khu đất cao, chuyên trồng sà lách, su hào, cải bắp, dưa hấu. Theo cụ Vũ Văn Sà (80 tuổi, thôn Trâm Khê, người am hiểu lịch sử địa phương) thì trước đây đường Thiên Lý cũng đi dọc theo tuyến sông này. Rõ ràng là, những địa danh trên rất có ý nghĩa cho việc khảo cứu và xác định địa điểm Domea xưa. Dân trong vùng cũng cho rằng, thuở xưa làng Trâm Khê, Nhuệ Động rất giàu có vì gần ngay sông Mè. Đến nay cư dân trong vùng vẫn còn truyền tụng câu ca: *"Vợ đẹp thì xuống Đại Công - Muốn ăn cỗ yến lấy chồng Trâm Khê"*.

Gần thôn Nhuệ Động là làng Giang Khẩu (Cửa Sông) nơi trong đình làng còn có một số văn bia niên đại thế kỷ XVII-XVIII rất có giá trị nghiên cứu. Bên cạnh đó, theo các cụ cao niên ở địa phương thì trước đây vẫn còn có một số ngôi mộ của người nước ngoài được gọi là "Mả Phiên" và "Mả Ngó". "Mả Phiên" hẳn là mộ của người phương Tây còn "Mả Ngó" là của người Hoa(?). Từ Trâm Khê, hướng về gần vùng ngã ba sông, là thôn Đại Công (nơi có địa danh Đại Độ tức Bến Đò Lớn), thuộc xã Tiên Cường. Theo các cụ cao niên thì Đại Độ chính là bến chính nơi vận chuyển hàng hoá lên xuống. Trước đây, từng có "Phố Đại Độ". Dân Đại Công cũng nổi tiếng trong vùng về kỹ thuật trồng màu. Phải chăng đây chính là dãy phố ven sông mà W. Dampier mô tả trông du ký(?). Ở Đại Công, cùng với người Việt còn có một số dòng họ người Hoa sinh sống như họ Uông, họ Đặng... có thể là những dòng họ xưa từng sinh sống và buôn bán ở đây. Tại Đại Công, có một số địa danh rất đáng chú ý là Ao Đường và Đường Dinh. Gần đây còn có di chỉ Đống Sành. Ao Đường nay vẫn còn tuy đã bị

thu hẹp và cạn nhiều. “Ao Đường” chắc hẳn liên quan đến sự hiện diện của người Hoa nhưng Đường Dinh (có thể là con đường dẫn đến một Dinh trấn hay chỉ là từ chỉ phương vị của Dinh trấn?). Từ Đại Công có thể dễ dàng quan sát vùng ngã ba sông. Tại chân cầu Quý Cao hiện nay vẫn còn có địa danh Chợ Đồn và vượt qua cầu, tức đối diện bên kia sông là thôn Lác, thuộc xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo. Ngay bên triền sông thôn Lác là một ngôi đền lớn thờ tướng sĩ nhà Trần có công trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thế kỷ XIII. Nhiều khả năng đây chính là địa danh mà bản đồ châu Âu ghi là “Pagode” và ở đó có dấu hiệu mỏ neo nơi tàu thuyền thường neo đậu.

Đối với vùng ngã ba sông Domea, tuy chưa có cuộc khai quật nào được thực hiện nhưng qua những chuyến đi khảo sát chúng tôi đã sưu tầm được nhiều hiện vật giá trị. Đặc biệt, ngày 16-4-2006, khi đến thăm gia đình anh Lương Văn Quý, thôn Trâm Khê, do gia đình vừa mới đào ao ngay trên triền sông Đò Mè cổ, nhóm nghiên cứu đã sưu tầm được nhiều hiện vật gốm sứ, sành Việt Nam và một số hiện vật Trung Quốc có niên đại thế kỷ XVI-XVIII. Trong số đó, gốm Chu Đậu và loại hình Chu Đậu xuất hiện khá

nhiều. Sự hiện diện của gốm sứ Trung Quốc là điểm rất đáng chú ý và có thể là điểm khác biệt trong số các địa điểm đã được khai quật, khảo cứu. Hiển nhiên, sự phát triển và vai trò của một thương cảng không chỉ căn cứ vào hiện vật gốm sứ nhưng việc xác định một cách chính xác vùng trung tâm của cảng sông Domea xưa cũng như việc phân định, cắt lớp thời gian xuất hiện của các địa danh vẫn còn phải dựa vào các phát hiện khảo cổ học và khảo cứu liên ngành. Tuy nhiên, độ trù mật cao của những địa danh cổ và các vết tích thương mại xuất lộ trên mặt đất khiến chúng ta có thể đoán định về một trung tâm đích thực, quan trọng của hệ thống cảng sông Domea trong lịch sử. Theo sự đánh giá của các chuyên gia Việt Nam, Hà Lan và Nhật Bản thì sự xuất hiện của gốm sứ Trung Quốc, gốm sành Việt Nam xuất khẩu tại các địa điểm này là một chỉ báo quan trọng về tính chất quốc tế của vùng ngã ba sông Đò Mè xưa. Một chương trình hợp tác đang mở ra nhiều triển vọng cho việc nghiên cứu vùng cảng cửa sông Thái Bình nơi từng giữ vị trí quan trọng trong hệ thống giao thương trong nước, quốc tế thế kỷ XVI-XVII.

CHÚ THÍCH

(1). Anthony Farrington: *British Factory in Tonkin*, Oriental and Indian Office Collection, Royal British Library; hay Nguyễn Thừa Hỷ: *Phố Hiến qua các nguồn tư liệu nước ngoài*, Phố Hiến - Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Sở Văn hóa Thông tin Hải Hưng, 1994, Sdd, tr.83-88.

(2). Phan Huy Lê: *Phố Hiến và những vấn đề khoa học đang đặt ra*, trong *Phố Hiến*, sdd, tr.24.

(3). Xem John K. Whitmore: *The Rise of the Cost: Trade, State and Culture in Early Đại Việt*, *Journal of Southeast Asian Studies*, 37 (1), Feb. 2006, p. 103-122. Có thể tham khảo thêm bài khảo

cứu của tác giả Nguyễn Hải Kế: *Hải Phòng vùng đất “bị lãng quên” thời Lê sơ*, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 1 (344), 2005, tr. 10-15

(4). Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với các nước Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

(5). William Dampier: *Voyage and Discoveries 1688*, London, 1931, p. 47.

(6). Trương Hữu Quýnh: *Sự ra đời và phát triển của Phố Hiến*, trong *Phố Hiến*, sdd, tr. 36. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực địa, gần đây tác giả Nguyễn Văn Chiến cho rằng vào đầu thế kỷ XVIII

Phố Hiến có 23 phường. Các phường mới được phát hiện là: 1. Hiến Doanh, 2. Hàng Đình, và 3. Hàng Giường; Tạp chí *Xưa và Nay*, số 147 (195) tháng 9-2003, tr. 23-24.

(7). *Đại Nam nhất thống chí*, Tập III, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997, tr.302.

(8). *Nhật ký tàu Grol từ Japon đến Tonkin, 1637* (Voyage du Yach Hollandais Grol du Japon au Tonkin), *Excursions et Reconnaissances*, N.13, 1882, *Thanh Nghị*, số 74-89/1944, tr. 655-656.

(9). Nguyễn Văn Kim: *Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003, tr. 61-108.

(10). Momoki Shiro: *Dai Viet and the South China Sea Trade from the Xth to the XVth Century*, Crossroad - An Interdisciplinary Journal of Southeast Asian Studies, The Center for Southeast Asian Studies, Northern Illinois University, 1998, pp.14-15.

● (11). Alexandre de Rhodes: *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 65.

(12). Phan Thanh Hải: *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản nhìn từ các văn thư trao đổi giữa đôi bên thế kỷ XVI-XVII*; Hội thảo khoa học: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN, tháng 3-2007. Trong công trình khảo cứu của mình, GS. Iwao Seiichi cho rằng vào thời *Châu án thuyền*, Nhật Bản đã có quan hệ với 18 khu vực lãnh thổ nhưng địa bàn chủ yếu là các quốc gia Đông Nam Á. Từ năm 1604 đến 1635, đã có tổng số 356 thuyền *Châu án* đến Đông Nam Á và Đài Loan. Theo đó, đã có 87 chiếc đến Đàng Trong, số thuyền đến Siam (Thái Lan) và Luzon (Phillipines) mỗi nơi là 56 chiếc, đến Campuchia là 44 và Đàng Ngoài là 37 chiếc. Xem Iwao Seiichi: *Nghiên cứu Phố Nhật ở Nam Dương*, Iwanami Shoten, 1966, tr.10-11. *Dựa vào thông tin trên, theo chúng tôi, chỉ riêng số thuyền đến Đàng Ngoài cũng là vấn đề chúng ta cần xem xét lại. Phải chăng đã có 37 thuyền (đoàn) thuyền đến Tonkin?*

(13). Nagazumi Yoko: *Châu án thuyền*, Nhật Bản lịch sử học xá, Tokyo, 2001, tr. 37.

(14). Nagazumi Yoko: *Quan hệ thương mại của Nhật Bản với Đàng Ngoài nửa đầu thế kỷ XVII*, Đại học kinh tế Josai, Saitama, Nhật Bản, 1992, tr. 36.

(15). *Nhật ký tàu Grol từ Japon đến Tonkin, 1637* (Voyage du Yach Hollandais Grol du Japon au Tonkin), trong *Excursions et Reconnaissances*, N.13, 1882, *Thanh Nghị*, số 74-89/1944, tr.730. *Nhật ký tàu Grol* cũng có phần thiếu thống nhất. Ngày 17-4 ghi: "các phái viên (của chúa Trịnh - TG) đến nơi, dẫn theo 16, 17 chiếc đồ để chờ hàng lên Kê Chợ. Họ bỏ neo gần tàu Grol. Nhưng đến ngày 19-4 lại viết: "10 chiếc đồ chở các phái viên và hàng của thương hội (VOC - TG) kéo buồm chạy". Đến tối ngày 22-4-1637 thì đến Kê Chợ.

(16). Yoneo Ishii: *The Junk Trade from Southeast Asia - Translation from the Tōsen Fusetsu-gaki, 1674-1732*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1998.

(17). Phan Huy Lê - Chu Thiên - Vương Hoàng Tuyên - Đinh Xuân Lâm: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr. 173-175.

(18). Li Tana: *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb. Trẻ, 1999, tr. 110.

(19). Nagazumi Yoko: *Quan hệ thương mại của Nhật Bản với Đàng Ngoài nửa đầu thế kỷ XVII*, Đại học kinh tế Josai, Saitama, Nhật Bản, 1992.

(20). Lê Bá Thảo: *Việt Nam - Lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2002, tr. 314.

(21). William Dampier: *Voyage and Discoveries 1688*, London, 1931.

(22). Tăng Bá Hoành: *Hải Hưng - Mùa khai quật năm 1989*, trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học*, Viện Khảo cổ học, 1989.

(23). Tăng Bá Hoành: *Phố Hiến qua kết quả nghiên cứu khảo cổ học*, trong *Phố Hiến*, sdd, tr. 90. Điều đáng chú ý là, ở Phố Hiến vẫn còn một khu mộ người nước ngoài, hiện vẫn còn nhiều ngôi mộ

ghi rõ tên người Hoa. Mộ của người phương Tây và Nhật Bản đến nay khó xác định được. Ở Phố Hiến, cho đến nay dân trong vùng vẫn trồng đậu Hà Lan. Tương truyền, đây là giống đậu do người Hà đưa tới vào thế kỷ XVII.

(24). Các thành viên đoàn nghiên cứu gồm: PGS.TS Hán Văn Khẩn, PGS.TS Nguyễn Văn Kim, GV. Nguyễn Chiêu, TS. Hoàng Anh Tuấn và PGS.TS Kikuchi Seiichi, ThS. Abe Yuriko (Showa Woman's University, Tokyo - Japan) cùng một số chuyên viên Bảo tàng Hưng Yên.

(25). Hán Văn Khẩn: *Báo cáo thám sát Hồng Châu và Hồng Nam* (Hưng Yên), tháng 2-2000, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

(26). Cùng với 1 chiếc bình Hizen rất đẹp hiện lưu giữ tại Bảo tàng Hưng Yên, mùa diên dã năm 1999 các nhà khảo cổ học cũng chỉ mới phát hiện thêm một mảnh sứ Hizen niên đại thế kỷ XVII ở trước cửa chùa Hiến. Trong khi đó, theo kết quả nghiên cứu của Hoàng Anh Tuấn thì chỉ riêng năm 1665, VOC đã nhập 17.320 sản phẩm đồng thời Hoa thương cũng đem đến Đàng Ngoài một số lượng lớn gốm sứ Hizen. Năm 1676, Hoa thương đã đưa tới 9.000 sản phẩm gốm chén, đĩa, hũ, bình, bát... (có thể cả gốm sứ Trung Quốc) và thương nhân từ Đài Loan đã chở tới Đàng Ngoài gần 100.000 sản phẩm gốm sứ Nhật trong cùng một năm. Theo các tài liệu đáng tin cậy của VOC, Đàng Ngoài không những đã nhập một số lượng đáng kể gốm sứ Nhật Bản mà còn đặt làm những sản phẩm "gốm sứ ký kiểu" tại Nhật Bản. Xem Hoàng Anh Tuấn: *Vietnam's Jingdezhen Ware and the VOC's Ceramic Trade with Tonkin in the XVIIth Century*, The Third TANAP Workshop 'Asia in the Age of Partnership', Xiamen University, China, 19-23 October 2003.

(27). Xem thêm Kikuchi Seiichi: *Gốm sứ Hizen ở Bắc Bộ và Trung Bộ Việt Nam* (Vấn đề niên đại, cách thức sử dụng và du nhập); trong *Đông Á - Đông*

Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2004, tr. 331-348; hay *Kỷ yếu hội thảo Quan hệ Nhật - Việt qua giao lưu gốm sứ*, ĐHQGHN - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản, Hà Nội, 1999; Và, Sakurai Kiyohiko - Kikuchi Seiichi: *Nhật - Việt giao lưu sứ - Phố Nhật và buôn bán gốm sứ*, Đại học Nữ Chiêu Hoà, Tokyo, Nhật Bản, 2002.

(28). PGS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, Viện trưởng Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển là người có công phát hiện và dẫn đầu các đợt khảo sát vùng Domea trong các năm 2001-2002.

(29). Morimura Kennichi: *Gốm sứ và sành Việt Nam phát hiện tại thành Saikai Nhật Bản*; và Abe Yuriko: *Đồ gốm sứ và mối giao lưu Việt Nam - Nhật Bản*; Báo cáo khoa học trình bày tại Hội thảo quốc tế *Quan hệ giao lưu Việt Nam - Nhật Bản*, Hội An, Quảng Nam, tháng 9-2003.

(30). Hán Văn Khẩn: *Báo cáo khai quật di tích An Dụ, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, Tp Hải Phòng* tháng 6-2000, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH & NV (ĐHQGHN). Tham gia khai quật có: PGS.TS Hán Văn Khẩn (Chủ trì), PGS.TS Hoàng Văn Khoán, Nhà Khảo cổ học Nguyễn Chiêu... Thực hiện các đợt khảo sát có: GS. TSKH Vũ Minh Giang, PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc, TS. Nguyễn Việt, PGS.TS Kikuchi Seiichi, PGS.TS Nguyễn Văn Kim, PGS.TS. Vũ Văn Quân và một số nhà nghiên cứu khác.

(31). Tham gia chuyến khảo sát có GS. Phan Huy Lê, PGS.TSKH Nguyễn Hải Kế, PGS.TS Nguyễn Văn Kim, PGS.TS. Vũ Văn Quân và các giảng viên, NCS Khoa Lịch sử. Ngày 4-5-2006, Tổng Lãnh sự quán Hà Lan và 4 chuyên gia Hà Lan cũng đã đến khảo sát vùng Domea. Nhân dịp này, xin được cảm tạ những chỉ dẫn của cố GS. Trần Quốc Vượng về vị trí hết sức quan trọng của vùng Ngã ba sông Đàng Ngoài trong thế chiến lược quân sự và hoạt động kinh tế.